TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Quyên –** Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trương Văn L**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh K.
2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Trà M**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Tổ 7, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.
(Tại phiên tòa, anh L có mặt, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 của nguyên đơn Trương Văn L, bản tự khai của các đ- ơng sự, nội dung phiên không hoà giải được ngày 01/3/2021, vụ án có nội dung nh- sau:

* Tại bản tự khai đề ngày 23/11/2020 và phiên không hoà giải được ngày 01/3/2021, anh Trương Văn L trình bày:

Vào năm 2017, đ- ợc sự mai mối của gia đình hai bên, tôi cùng chị Nguyễn Thị Trà M có tổ chức lễ c- ới vào ngày 26/12/2017 âm lịch và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường V, thành phố R, tỉnh K vào ngày 26/02/2018; đã đ- ợc UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12. Trong quá trình chung sống, chúng tôi không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa tôi và chị Nguyễn Thị Trà M luôn phát sinh mâu thuẫn, chúng tôi đã ly thân từ ngày 29/02/2018 âm lịch cho đến

nay. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi đ- ợc ly hôn với chị Nguyễn Thị Trà M. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai đề ngày 23/11/2020, chị Nguyên Thị Trà M trình bày:

Tôi và anh Trương Văn L được mai mối đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào ngày 26/12/2017 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K vào ngày 26/02/2018. Sau khi cưới, tôi sinh sống tại nhà anh L, khi tôi mang thai được 02 tháng thì tôi và anh L ly thân cho đến nay. Tôi mang thai được 07 tháng thì vào ngày 08/9/2018 âm lịch, tôi sinh cháu Nguyễn Thị Khả H và tôi trực tiếp nuôi cháu Khả H cho đến nay, nhưng chưa làm giấy khai sinh cho cháu Khả H. Từ khi tôi mang thai cháu Khả H đến nay thì anh L không tới lui thăm nom. Tôi đồng ý ly hôn với anh L, tôi tiếp tục nuôi cháu Khả H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa, anh Trương Văn L vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

* □ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn L; không xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, quy định của pháp luật và sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2017, anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M thiết lập quan hệ vợ chồng qua sự mai mối của gia đình hai bên. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 26/10/2020, anh Trương Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với chị Nguyễn Thị Trà My; chị Nguyễn Thị Trà M có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị M không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố mặc dù Tòa án đã thông báo cho chị M theo quy định của pháp luật. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt chị Nguyễn Thị Trà M tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/3/2021 cho chị Nguyễn Thị Trà M theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị Trà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 23/11/2020 (BL 23), đ- ợc sự thống nhất của vị đại diện Viện kiểm sát và anh Trương Văn L, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Trà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Xét yêu cầu của anh Trương Văn L:

Anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M thiết lập quan hệ vợ chồng qua sự mai mối của gia đình hai bên, có tổ chức lễ c- ới vào ngày 26/12/2017 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố R, tỉnh K vào ngày 26/02/2018 và đã đ- ợc UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M đã ly thân 03 năm nay, chị Nguyễn Thị Trà M tự nguyện đồng ý ly hôn với anh Trương Văn L (BL 22), Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần nhưng chị M vắng mặt. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Tại phiên tòa, anh Trương Văn L vẫn khẳng định rằng anh không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Trà M, vẫn kiên quyết yêu cầu đ- ợc ly hôn với chị Trà M. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M.

2.2. Về con chung, cấp d- ỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Trà M không nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố mặc dù Tòa án đã thông báo cho chị M theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, anh L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các quan hệ này. Do đó, đối với các quan hệ này thì Tòa án không xem xét trong vụ án này; nếu có tranh chấp về sau thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Anh Trương Văn L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn L phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Trương Văn L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006716, ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Trương Văn L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Trà M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M.

2- Về con chung, cấp d- ỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

3- Về án phí:

Anh Trương Văn L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn L phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Trương Văn L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006716, ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Trương Văn L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Trà M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/4/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND phường Vĩnh Hiệp, tp Rạch Giá, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng